

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2026
V/v tranh chấp Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Phong và ông Quách Văn Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2026/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị H, sinh năm 2000. Địa chỉ: Xóm N, xã T, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Xóm K, xã M, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ ngày 03/10/2018. Trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Bùi Văn T có sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Năm 2023, anh T bị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn. Do vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

* *Về con chung*: Vợ chồng chị có một con chung là Hà Bảo L, sinh ngày 05/11/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị tại xóm N, xã T, tỉnh Phú Thọ và học tại Trường tiểu học L1. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, chị đang làm công nhân công ty điện tử, thu nhập 09 triệu tháng, đảm bảo cuộc sống của hai mẹ con nên chị chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

* *Về tài sản chung*: Vợ chồng chị không có tài sản chung.

* *Về nợ chung*: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Phần trình bày của bị đơn: Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự đối với bị đơn để bị đơn viết bản tự khai, lấy lời khai. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, không lấy được lời khai của bị đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H. Xử cho chị Hà Thị H ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Hà Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Hà Bảo L, sinh ngày 05/11/2017. Ghi nhận chị Hà Thị H chưa yêu cầu anh Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Hà Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn ngày 03/10/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

L, huyện T, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Chị Hà Thị H và anh Bùi Văn T có một con chung là H, sinh ngày 05/11/2017.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Các tình tiết các bên chưa thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H đề nghị được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị Hà Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Bảo L, sinh ngày 05/11/2017. Chị Hà Thị H chưa yêu cầu anh Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm K, xã M, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã triệu tập đương sự nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai thể hiện ý kiến của mình. Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải và đưa vụ án ra xét xử.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ ngày 03/10/2018 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị H đối với anh Bùi Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh T cho thấy hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tình cảm bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh Văn T sử dụng ma túy. Ngày 24/10/2023, anh Văn T bị Toà án nhân dân huyện Tân nay là Toà án nhân dân khu vực 15 –

Phú Thọ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Mẹ con chị H về nhà bố mẹ đẻ tại xóm N, xã T sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Văn T cũng không liên lạc, hỏi thăm gì đối với mẹ con chị H. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân đã lâu, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Chị Hà Thị H và anh Văn T có một con chung là H, sinh ngày 05/11/2017. Xét đề nghị được nuôi con của chị Hà Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chăm sóc, giáo dục và tránh bị trộn về mặt tâm lý. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Văn T không có mặt tại Tòa án nên không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của anh T. Con chung của chị H, anh T hiện đang sinh sống ổn định với chị H tại xã N, xã T và đi học tại Trường tiểu học L1. Hiện nay, chị H đang làm công nhân, thu nhập 9 triệu tháng, đảm bảo cuộc sống của hai mẹ con. Do vậy, đề nghị của chị H cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giao cho chị H được nuôi con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận việc chị Hà Thị H chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Hà Thị H và anh Bùi Văn T không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Hà Thị H và anh Bùi Văn T không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hà Thị H. Xử cho chị Hà Thị H ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Hà L, sinh ngày 05/11/2017. Ghi nhận chị Hà Thị H chưa yêu cầu anh Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002463 ngày 27/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Toàn Thắng, tỉnh Phú Thọ (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 03/10/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Doanh